

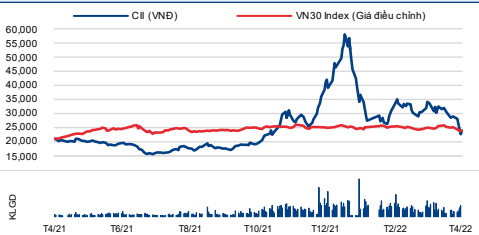
Giảm tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ30,200
Tiềm năng tăng/giảm: 26.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (22/4/2022)	23,900
Mã Bloomberg	CII VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	15,600-57,900
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	25,030
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	5,796
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	252
Slg CP lưu hành (tr.đv)	243
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	119
Slg CP NN được mua (tr.đv)	91.5
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	11.3%
Tỷ lệ freefloat	71.2%
Cổ đông lớn	VIAC (No.1) Ltd (10.6%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-21A	12-22F	12-23F
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	2,860	7,161	4,078
EBITDA đc (tỷ đồng)	964	2,942	3,225
LNTT (tỷ đồng)	(106)	1,210	562
LNT ĐC (tỷ đồng)	(332)	745	185
FCF (tỷ đồng)	(1,318)	(1,649)	1,706
EPS ĐC (đồng)	(1,391)	3,070	764
DPS (đồng)	0	0	1,000
BVPS (đồng)	20,186	21,539	21,303
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(9.70)	205	9.64
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(231)	321	(75.1)
Tăng trưởng DPS (%)	(100)	nm	nm
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	33.7	41.1	79.1
Tỷ suất LNTT (%)	(3.70)	16.9	13.8
Tỷ suất LNT ĐC (%)	(11.6)	10.4	4.54
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	131
Nợ thuần/VCSH (%)	383	411	394
ROAE (%)	(6.91)	14.8	3.57
ROACE (%)	1.24	6.56	5.63
EV/doanh thu (lần)	7.71	3.73	6.13
EV/EBITDA ĐC (lần)	22.9	9.08	7.76
P/E ĐC (lần)	N/a	7.78	31.3
P/B (lần)	1.18	1.11	1.12
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	4.18

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

CII là một trong những chủ đầu tư phát triển hạ tầng hàng đầu và phát triển bất động sản lớn tại Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Phạm Ngọc Trung

Chuyên Viên, Ngành Bất Động Sản
trung.pn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 172

Hồ Thị Kiều Trang, CFA

Trưởng Phòng, Ngành Bất Động Sản
trang.htk@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 129

KQKD Q1/2022 tăng trưởng mạnh nhờ lợi nhuận không thường xuyên, sát kỳ vọng

- Lợi nhuận thuần Q1/2022 đạt 685 tỷ đồng, tăng 10 lần và doanh thu đạt 712 tỷ đồng (giảm 26%), nói chung sát với dự báo của HSC và chủ yếu nhờ 776 tỷ đồng lãi không thường xuyên từ bán cổ phần NBB (xuống còn 49%).
- Nếu loại bỏ khoản mục không thường xuyên, CII ghi nhận lỗ 90,6 tỷ đồng so với dự báo lãi nhẹ 0,9 tỷ đồng của HSC và kế hoạch lỗ dự tính 20 tỷ đồng (lợi nhuận thuần trừ đi 776 tỷ) của ban lãnh đạo cho cả năm 2022.
- HSC đang xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu cũng như dự báo. Theo dự báo hiện tại, hiện giá cổ phiếu đang chiết khấu 29% so với RNAV, cao hơn mức chiết khấu bình quân 2 năm qua là 18,7%.

Sự kiện: KQKD Q1/2022

CII gần đây công bố KQKD Q1/2022 với lợi nhuận thuần đạt 685 tỷ đồng (so với 48 tỷ đồng trong Q1/2021) và doanh thu giảm 26% so với cùng kỳ xuống còn 712 tỷ đồng – sát với dự báo của HSC.

Kết quả trên đạt được nhờ 776 tỷ đồng lợi nhuận từ bán cổ phần NBB (Không khuyến nghị) để giảm tỷ lệ sở hữu về 49% (từ 93,7%), từ đó NBB không còn hợp nhất vào BCTC của CII. Nếu loại bỏ các khoản mục không thường xuyên, CII ghi nhận lỗ 90,6 tỷ đồng, gần gấp đôi số lỗ (sau khi loại bỏ các khoản mục không thường xuyên) trong Q1/2021 là 42,7 tỷ đồng, chủ yếu vì chi phí lãi vay và lỗ từ mảng xây lắp tăng.

Sau khi loại các khoản mục không thường xuyên, doanh thu Q1/2022 bằng 9,9% dự báo doanh thu của HSC và đạt 9,8% kế hoạch của ban lãnh đạo cho cả năm 2022; trong khi Công ty ghi nhận lỗ 90,6 tỷ đồng so với dự báo lãi nhẹ 0,9 tỷ đồng của HSC và kế hoạch lỗ dự tính 20 tỷ đồng (lợi nhuận thuần trừ đi 776 tỷ) của ban lãnh đạo cho cả năm 2022.

Doanh thu giảm 26% so với cùng kỳ vì không còn hợp nhất NBB

Dưới đây HSC sẽ phân tích KQKD của CII theo từng mảng:

- Doanh thu phí cầu đường đạt 316 tỷ đồng, tăng mạnh 67% so với cùng kỳ (tăng 10,7% so với quý trước), chủ yếu nhờ dự án BOT Xa lộ Hà Nội đi vào hoạt động từ Q2/2021. Nói chung sát kỳ vọng của chúng tôi.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 26/4

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q1/2022 của CII

(tỷ đồng)	Q1/21	Q1/22	% y/y	Dự báo 2022 của HSC	% dự báo
DTT	963.5	711.7	-26.1%	7,161.2	9.9%
LN gộp	314.1	259.0	-17.6%		
Thu nhập tài chính	188.1	915.7	386.9%		
Chi phí lãi vay	261.9	290.3	10.8%		
Chi phí BH&QL	130.7	119.9	-8.3%		
Lợi nhuận thuần	48.1	685.2	1,325.2%	744.6	92.0%
Các khoản mục không thường xuyên	90.8	775.8	754.2%	743.7	104.3%
Lợi nhuận thuần không kể khoản mục không thường xuyên	(42.7)	(90.6)	N/a	0.9	N/a

Nguồn: CII, HSC

- Doanh thu BĐS đạt 266 tỷ đồng, giảm 54,3% so với cùng kỳ vì CII không còn hợp nhất NBB (NBB là chủ đầu tư dự án Sơn Tịnh (103 ha, Quảng Ngãi) và dự án Delagi (124 ha, Bình Thuận). NBB cũng đang trong quá trình hoàn tất thủ tục pháp lý cho dự án NBB II (10,2 ha, TP HCM) và NBB III (7,8 ha, TP HCM).
- Chúng tôi hiểu rằng phần lớn doanh thu BĐS Q1/2022 là từ bàn giao những sản phẩm còn lại tại dự án D'verno trong KĐTMT Thủ Thiêm, TP HCM.
- Doanh thu xây lắp đạt 49 tỷ đồng, giảm 53,3% so với cùng kỳ vì công việc xây lắp tại dự án Trung Lương – Mỹ Thuận (TL-MT) giảm khi dự án dần hoàn thành.
- Mảng xây lắp Q1/2022 ghi nhận lỗ gộp 15,6 tỷ đồng so với lợi nhuận gộp 8,5 tỷ đồng trong Q1/2021, và đây là lý do chính giải thích cho việc lỗ thuần từ HĐKD thường xuyên tăng trong năm nay. HSC được biết giá VLXD tăng mạnh, đặc biệt là thép đã tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận mảng xây lắp trong Q1/2022 vì giá trên hợp đồng thi công dự án TL-MT đã được cố định.
- Doanh thu từ mảng nước sạch tăng 7,2% so với cùng kỳ đạt 52 tỷ đồng. Mảng này tiếp tục ghi nhận lỗ vì hoạt động với công suất thấp nhưng vẫn hạch toán đầy đủ chi phí khấu hao. Tỷ suất lợi nhuận gộp của mảng này là -5,9% trong Q1/2022 so với 7,7% trong Q1/2021.

Bảng 2: Doanh thu theo mảng kinh doanh Q1/2022, CII

(tỷ đồng)	Q1/21	Q1/22	% y/y
Doanh thu	963.5	711.7	-26.1%
BDS	580.7	265.7	-54.3%
Phí cầu đường	189.4	316.0	66.9%
Xây dựng	104.0	48.6	-53.3%
Nước	48.9	52.4	7.2%
Khác	40.6	29.1	-28.4%
Lợi nhuận gộp	32.6%	36.4%	
BDS	32.2%	31.4%	
Phí cầu đường	61.3%	60.1%	
Xây dựng	8.1%	-32.1%	
Nước	-7.7%	-5.9%	
Khác	15.4%	15.7%	

Nguồn: CII, HSC

Các điểm đáng chú ý khác trên BCTC Q1/2022

Chi phí lãi vay tăng như dự đoán: Chi phí tài chính Q1/2022 tăng 26,4% so với cùng kỳ lên 361,7 tỷ đồng, chủ yếu là vì chi phí lãi vay tăng (tăng 10,8% so với cùng kỳ) và chi phí bảo lãnh phát hành trái phiếu (tăng 145% so với cùng kỳ lên 45,3 tỷ đồng). Chi phí bán hàng & quản lý trong kỳ giảm 8,3% so với cùng kỳ (giảm 17,4% so với quý trước), chủ yếu là vì chi phí khấu hao phân bổ và chi phí lương giảm vì NLG không còn hợp nhất NBB.

Tình hình tài chính cải thiện nhưng áp lực dòng tiền sẽ tăng lên

Trong Q1/2022, vay nợ của CII giảm 13,3% xuống còn 14,8 nghìn tỷ đồng từ 17 nghìn tỷ đồng. Tỷ lệ vay nợ thuần tại ngày 31/3/2022 là 1,64 lần, giảm từ 1,87 lần tại ngày 31/12/2021. Điều này là vì CII không còn hợp nhất nợ từ NBB (tại ngày 31/12/2021 là 1.189 tỷ đồng) vào BCTC và CII đã sử dụng tiền từ bán cổ phần NBB và cổ phiếu quỹ để trả bớt nợ.

Đáng chú ý, tại ngày 31/3/2022, CII có 2,5 nghìn tỷ đồng trái phiếu sẽ đáo hạn trong 1 năm tới. Điều này sẽ gây áp lực lên dòng tiền của Công ty vì CII sẽ không được phép phát hành trái phiếu với mục đích tái cơ cấu nợ theo Thông tư 16 (hạn chế và giám sát hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp) (vui lòng tham khảo báo cáo của chúng tôi về vấn đề này: Thông tư 16: Tác động không quá nghiêm trọng tới hầu hết các doanh nghiệp khuyến nghị).

Trong tình hình như vậy, HSC cho rằng việc CII bán tài sản (cổ phiếu NBB, cổ phiếu quỹ, mảng nước sạch (SII; Không khuyến nghị) là hợp lý. Dự án BOT Trung Lương – Mỹ Thuận đi vào hoạt động (dự kiến từ ngày 30/4/2022) cũng sẽ giúp giảm bớt áp lực dòng tiền cho CII.

HSC đang xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo

Giá cổ phiếu đã giảm 28,9% kể từ lần HSC phát hành Báo cáo doanh nghiệp gần nhất (30/3/2022) trước nhiều thông tin tiêu cực xung quanh việc điều tra nhiều nhân vật lớn trong ngành BĐS cộng với động thái đẩy mạnh giám sát và hạn chế tín dụng dành cho lĩnh vực BĐS. Hiện giá cổ phiếu đang chiết khấu 29% so với RNAV, cao hơn mức chiết khấu bình quân 2 năm qua là 18,7%.

Trước KQKD Q1/2021 và diễn biến giá cổ phiếu gần đây, HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu cho CII.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
Doanh thu	5,374	2,860	7,161	4,078	4,573
Lợi nhuận gộp	1,145	824	2,168	1,964	2,312
Chi phí BH&QL	(690)	(557)	(645)	(575)	(583)
Thu nhập khác	0	0	0	0	0
Chi phí khác	0	0	0	0	0
EBIT	455	267	1,522	1,389	1,729
Lãi vay thuần	(496)	(746)	(1,047)	(1,280)	(1,153)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	3.93	5.53	31.4	93.6	125
Lợi nhuận khác	0	0	0	0	0
LN không thường xuyên	660	368	703	359	259
LNTT	622	(106)	1,210	562	960
Chi phí thuế TNDN	(150)	(136)	(236)	(93.6)	(167)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(218)	(90.3)	(229)	(283)	(367)
LNST không thường xuyên	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	254	(332)	745	185	426
Lợi nhuận thuần ĐC	254	(332)	745	185	426
EBITDA ĐC	1,068	964	2,942	3,225	3,707
EPS (đồng)	1,063	(1,391)	3,070	764	1,759
EPS ĐC (đồng)	1,063	(1,391)	3,070	764	1,759
DPS (đồng)	1,000	0	0	1,000	1,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	239	239	243	243	243
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	239	239	243	243	243
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	239	239	243	243	243

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
Tiền & tương đương tiền	439	689	616	302	396
Đầu tư ngắn hạn	670	660	659	659	659
Phải thu khách hàng	4,996	4,380	2,914	3,155	3,014
Hàng tồn kho	4,686	4,549	851	934	1,026
Các tài sản ngắn hạn khác	167	219	184	184	184
Tổng tài sản ngắn hạn	10,957	10,497	5,224	5,234	5,279
TSCĐ hữu hình	2,185	2,107	1,860	1,800	1,739
TSCĐ vô hình	3,232	7,307	17,491	16,081	14,444
Bất động sản đầu tư	59.8	807	723	709	696
Đầu tư dài hạn	433	561	545	545	545
Đầu tư vào Cty LD,LK	970	994	2,004	2,004	2,004
Tài sản dài hạn khác	11,710	8,596	4,272	4,426	4,470
Tổng tài sản dài hạn	18,590	20,373	26,894	25,564	23,898
Tổng cộng tài sản	29,547	30,870	32,118	30,799	29,177
Nợ ngắn hạn	3,303	3,861	5,310	3,569	3,926
Phả trả người bán	389	678	494	425	380
Nợ ngắn hạn khác	2,576	2,189	939	939	939
Tổng nợ ngắn hạn	8,293	9,159	7,423	6,148	6,458
Nợ dài hạn	13,275	13,178	16,219	15,949	13,524
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	145	107	107	107	107
Nợ dài hạn khác	42.7	43.2	35.7	35.7	35.7
Tổng nợ dài hạn	13,463	13,329	16,362	16,093	13,667
Tổng nợ phải trả	21,761	22,491	23,784	22,240	20,125
Vốn chủ sở hữu	4,792	4,824	5,223	5,166	5,293
Lợi ích cổ đông thiểu số	2,994	3,555	3,110	3,393	3,759
Tổng vốn chủ sở hữu	7,786	8,379	8,333	8,559	9,052
Tổng nợ phải trả và VCSH	29,547	30,870	32,118	30,799	29,177
BVPS (đ)	20,063	20,186	21,539	21,303	21,824
Nợ thuần*/(tiền mặt)	16,139	16,350	20,913	19,217	17,053

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
EBIT	455	267	1,522	1,389	1,729
Khấu hao	(613)	(697)	(1,420)	(1,836)	(1,979)
Lãi vay thuần	(496)	(746)	(1,047)	(1,280)	(1,153)
Thuế TNDN đã nộp	(150)	(136)	(236)	(93.6)	(167)
Thay đổi vốn lưu động	(781)	(446)	183	141	4.36
Khác	(1,035)	(518)	(336)	(110)	(67.6)
LCT thuần từ HĐKD	(1,394)	(882)	1,506	1,882	2,324
Đầu tư TS dài hạn	(391)	(436)	(3,155)	(177)	(77.7)
Góp vốn & đầu tư	(2,954)	(777)	0	0	0
Thanh lý	2,492	1,797	531	0	0
Khác	133	153	370	233	217
LCT thuần từ HĐĐT	(720)	737	(2,254)	55.8	139
Cổ tức trả cho CSH	(415)	(16.6)	0	(243)	(300)
Thu từ phát hành CP	(535)	0	124	0	0
Tăng/giảm nợ	2,867	412	550	(2,010)	(2,069)
Khác	(0.56)	(0.52)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	1,916	395	675	(2,252)	(2,369)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	637	439	689	616	302
LCT thuần trong kỳ	(198)	250	(73.4)	(314)	94.1
Ảnh hưởng của tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	439	689	616	302	396
Dòng tiền tự do	(1,785)	(1,318)	(1,649)	1,706	2,246

Các chỉ số tài chính	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	21.3	28.8	30.3	48.2	50.6
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	19.9	33.7	41.1	79.1	81.1
Tỷ suất LNT (%)	4.72	(11.6)	10.4	4.54	9.33
Thuế TNDN hiện hành (%)	24.1	(129)	19.5	16.7	17.4
Tăng trưởng doanh thu (%)	196	(46.8)	150	(43.1)	12.1
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	81.0	(9.70)	205	9.64	14.9
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	72.6	(231)	324	(75.1)	130
Tăng trưởng EPS (%)	79.1	(231)	321	(75.1)	130
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	79.1	(231)	321	(75.1)	130
Tăng trưởng DPS (%)	nm	(100)	nm	nm	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	94.1	0	0	131	56.9
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	5.12	(6.91)	14.8	3.57	8.16
ROACE (%)	2.33	1.24	6.56	5.63	7.30
Vòng quay tài sản (lần)	0.18	0.09	0.23	0.13	0.15
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	(3.07)	(3.30)	0.99	1.36	1.34
Số ngày tồn kho	404	816	62.2	161	166
Số ngày phải thu	431	785	213	545	487
Số ngày phải trả	33.5	122	36.1	73.4	61.3
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	370	383	411	394	343
Nợ/tài sản (%)	61.5	62.0	68.8	67.0	63.6
EBIT/lãi vay (lần)	0.92	0.36	1.45	1.08	1.50
Nợ/EBITDA (lần)	17.0	19.9	7.52	6.40	5.01
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.32	1.15	0.70	0.85	0.82
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	4.07	7.71	3.73	6.13	5.00
EV/EBITDA ĐC (lần)	20.5	22.9	9.08	7.76	6.16
P/E (lần)	22.5	N/a	7.78	31.3	13.6
P/E ĐC (lần)	22.5	N/a	7.78	31.3	13.6
P/B (lần)	1.19	1.18	1.11	1.12	1.10
Lợi suất cổ tức (%)	4.18	0	0	4.18	4.18

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn